

Phụ lục 1: THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC GIAO, HIỆN CÓ CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày /5/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức, số người làm việc				Công chức, viên chức hiện có (đến					Số lượng viên chức đã trúng	Hợp đồng hiện có		Ghi chú
		Tổng	Công chức, viên chức		Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ	Tổng số	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	Viên chức		Hỗ trợ, phục vụ	Chuyên môn nghiệp vụ	
			Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN										
	TỔNG CỘNG (A+B)	6.336	2.281	3.633	422	4.113	36	58	37	3.982	85	377	590	
A	HÀNH CHÍNH	67	59	0	8	54	8	9	37	0		8	0	
I	Sở Y tế	52	47	0	5	43	8	8	27	0		5	0	
1	Ban Giám đốc	4	4			4	1	3						
2	Văn phòng	12	7		5	6	1	1	4			5		
3	Phòng Tổ chức - Cán bộ	5	5			5	1		4					
4	Phòng Nghiệp vụ Y	5	5			5	1		4					
5	Phòng Nghiệp vụ Dược	5	5			3		1	2					
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	6	6			5	1		4					
7	Phòng Dân số	6	6			6	1	1	4					
8	Phòng Chính sách xã hội	5	5			5	1	1	3					
9	Thanh tra sở	4	4			4	1	1	2					
II	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi	15	12	0	3	11		1	10			3	-	
B	SỰ NGHIỆP (I+II)	6.267	2.222	3.631	414	4.057	27	49	0	3.981	85	369	590	
I	ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM CHI THUƯỜNG XUYỀN	2.217	0	2.059	158	1.098	4	9	0	1.085	0	139	454	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	1.187	0	1.107	80	638	1	3		634		81	205	
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi	775	0	722	53	366	1	3		362		41	190	
3	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi	202	0	183	19	54	1	1		52		12	57	
4	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	53	0	47	6	40	1	2		37		5	2	
II	ĐƠN VỊ DO TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THUƯỜNG XUYỀN VÀ ĐƠN VỊ DO NSNN ĐẢM BẢO CTX	4.050	2.222	1.572	256	2.959	23	40	0	2.896	85	230	136	
	Tuyển tỉnh	882	405	397	80	535	10	17	0	508	11	62	66	
5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm	260	26	211	23	114	1	2		111		16	59	
6	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	123	59	51	13	77	1	2		74	1	11	-	
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi	133	59	61	13	87	1	1		85	1	9	-	
8	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	69	22	40	7	36	1	2		33	3	6	4	
9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	151	116	23	12	111	1	4		106	5	11	-	
10	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi	33	21	9	3	23	1	1		21	1	2	1	

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức, số người làm việc				Công chức, viên chức hiện có (đến					Số lượng viên chức đã trúng	Hợp đồng hiện có		Ghi chú
		Tổng	Công chức, viên chức		Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ	Tổng số	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	Viên chức		Hỗ trợ, phục vụ	Chuyên môn nghiệp vụ	
			Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN										
11	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi	26	25	0	1	25	1	1		23		-	-	
12	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Quảng Ngãi	17	13	2	2	11	1			10		2	-	
13	Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi	17	15	0	2	14		2		12		1	-	
14	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi	46	42	0	4	32	1	2		29		4	2	
15	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ngãi	7	7	0	0	5	1			4		-	-	
*	Tuyển huyện, thị xã, thành phố	2.008	657	1.175	176	1.397	13	23	0	1.361	39	168	62	
17	Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ	37	34	0	3	31	1	1		29		3	-	
18	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức	209	66	126	17	144	1	1		142	6	13	2	
19	Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	189	57	116	16	152	1	2		149	2	15	-	
20	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành	149	30	105	14	111	1	2		108	1	12	5	
21	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi	145	22	109	14	108	1	2		105	3	8	11	
22	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh	225	54	151	20	157	1	2		154		14	2	
23	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	264	26	219	19	174	1	2		171	7	37	24	
24	Trung tâm Y tế huyện Minh Long	100	47	44	9	76	1	2		73	2	8	2	
25	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ	143	58	73	12	90	1	2		87	7	9	4	
26	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà	159	72	72	15	114	1	2		111	1	13	1	
27	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây	97	44	44	9	57	1	2		54	1	8	6	
28	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	172	87	66	19	118	1	2		115	4	16	1	
29	Trung tâm Y tế Quân Dân y kết hợp huyện Lý Sơn	119	60	50	9	65	1	1		63	5	12	4	
*	Tuyển xã, phường, thị trấn	1.160	1.160	0	0	1.027	0	0	0	1.027	35	0	8	
1	Trạm Y tế thuộc TTYT thị xã Đức Phổ	98	98	0	0	93				93		-	1	
2	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Mộ Đức	91	91	0	0	80				80	2	-	1	
3	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Tư Nghĩa	105	105	0	0	92				92		-	-	
4	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Nghĩa Hành	82	82	0	0	75				75	4	-	2	
5	Trạm Y tế thuộc TTYT thành phố Quảng Ngãi (không bao gồm 07 viên chức hiện có của TYT xã Tịnh Hoà)	150	150	0	0	127				127	5	-	2	
6	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Sơn Tịnh	76	76	0	0	69				69		-	-	
7	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Bình Sơn (bao gồm 07 viên chức hiện có của TYT xã Tịnh Hoà)	146	146	0	0	134				134	4	-	2	
8	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Minh Long	32	32	0	0	31				31		-	-	
9	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Ba Tơ	117	117	0	0	106				106	10	-	-	
10	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Trà Bồng	110	110	0	0	98				98		-	-	
11	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Sơn Hà	91	91	0	0	83				83	6	-	-	

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức, số người làm việc				Công chức, viên chức hiện có (đến					Số lượng viên chức đã trúng	Hợp đồng hiện có		Ghi chú
		Tổng	Công chức, viên chức		Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ	Tổng số	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	Viên chức		Hỗ trợ, phục vụ	Chuyên môn nghiệp vụ	
			Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN										
12	Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Sơn Tây	62	62	0	0	39				39	4	-	-	
C	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	2		2		2	1			1				
1	Ban Quản lý các dự án xử lý chất thải bệnh viện	2		2		2	1			1				

**Phụ lục 2: THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC GIAO, HIỆN CÓ
CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày /5/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức, số người làm việc				Công chức, viên chức hiện có (đến					Hợp đồng hiện có		Ghi chú
		Tổng	Công chức, viên chức		Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ	Tổng số	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	Viên chức	Hỗ trợ, phục vụ	Chuyên môn nghiệp vụ	
			Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN									
	TỔNG CỘNG (A+B)	2.439	1.259	1.105	75	1.978	126	148	38	1.666	187	50	
A	HÀNH CHÍNH	63	63	0	0	58	6	14	38	0	5	0	
I	Sở Y tế	42	42	0	0	38	3	10	25	0	3	0	
1	Lãnh đạo Sở Y tế	4	4			4	1	3					
2	Phòng Tổ chức - Hành chính	8	8			8	1	2	5		3		
3	Phòng Kế hoạch - Tài chính	10	10			9		2	7				
4	Phòng Nghiệp vụ	14	14			12	1	2	9				
5	Thanh tra Sở	6	6			5		1	4				
II	Chi cục An toàn thực phẩm và Dân số	21	21			20	3	4	13	0	2	0	
B	SỰ NGHIỆP (I+II)	2.376	1.196	1.105	75	1.920	120	134	0	1.666	182	50	
I	ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM CHI THUỜNG XUYÊN	922	0	847	75	595	26	24	0	545	70	36	
1	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH	922	0	847	75	595	26	24	0	545	70	36	
II	ĐƠN VỊ DO TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THUỜNG XUYÊN VÀ ĐƠN VỊ DO NSNN ĐẢM BẢO CTX	1.454	1.196	258	0	1.325	94	110	0	1.121	112	14	
*	Tuyển tỉnh	635	551	84	0	595	47	48	0	500	55	4	
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	123	104	19	0	119	6	5	0	108	17	0	
2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	217	152	65	0	193	13	15	0	165	15	3	
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	152	152	0	0	149	15	18	0	116	5	1	
5	Trung tâm Pháp y	14	14	0	0	13	3	2	0	8	1	0	
4	Trung tâm Giám định y khoa	12	12	0	0	11	1	1	0	9	0	0	
6	Bệnh viện Tâm thần	50	50	0	0	47	2	3	0	42	5	0	
8	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	20	20	0	0	20	1	3	0	16	1	0	
7	Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội	47	47	0	0	43	6	1	0	36	11	0	
*	Tuyển huyện, thị xã, thành phố	819	645	174	0	730	47	62	0	621	57	10	
1	Trung tâm Y tế thành phố	45	45	0	0	45	6	4	0	35	3	0	
2	Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei	113	79	34	0	100	6	4	0	90	7	0	
3	Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô	112	74	38	0	94	6	9	0	79	8	0	

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức, số người làm việc				Công chức, viên chức hiện có (đến					Hợp đồng hiện có		Ghi chú
		Tổng	Công chức, viên chức		Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ	Tổng số	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	Viên chức	Hỗ trợ, phục vụ	Chuyên môn nghiệp vụ	
			Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN									
4	Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy	102	70	32	0	86	8	10	0	68	5	0	
5	Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông	85	79	6	0	72	1	3	0	68	8	0	
6	Trung tâm Y tế huyện Kon Plông	87	84	3	0	80	4	11	0	65	7	0	
7	Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai	29	29	0	0	29	2	3	0	24	3	10	
8	Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà	107	74	33	0	106	9	9	0	88	6	0	
9	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi	45	45	0	0	45	3	4	0	38	2	0	
10	Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy	94	66	28	0	73	2	5	0	66	8	0	

**Phụ lục 3. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA SỞ Y TẾ VÀ CHI CỤC SAU HỢP NHẤT**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày /5/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Cơ quan	Phương án giao biên chế, và số			Phương án công chức lãnh		Ghi chú
		Tổng số	Hiện có của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi (cũ)	Số chuyển từ Sở Y tế tỉnh Kon Tum	Cấp trưởng	Cấp phó	
A	Tổng cộng	106	52	54	8	20	
I	Sở Y tế	84	41	43	7	19	
1	Ban Giám đốc	8	4	4	1	7	
2	Phòng Tổ chức - Hành chính	21	12	9	1	3	SYT tỉnh Quảng Ngãi: Văn phòng: 06; TCCB: 04; Thanh tra đề lại: 02; SYT tỉnh Kon Tum chuyển: 09
3	Phòng Nghiệp vụ Y	13	5	8	1	2	Tiếp nhận từ Sở Y tế tỉnh Kon Tum: 08
4	Phòng Nghiệp vụ Dược	5	3	2	1	1	Tiếp nhận từ Sở Y tế tỉnh Kon Tum: 02
5	Phòng Kế hoạch - Tài chính	14	6	8	1	2	Tiếp nhận từ Sở Y tế tỉnh Kon Tum: 08
6	Phòng Dân số	15	6	9	1	3	Tiếp nhận từ Sở Y tế tỉnh Kon Tum: 09
7	Phòng Chính sách xã hội	8	5	3	1	1	Tiếp nhận từ Sở Y tế tỉnh Kon Tum: 03
II	Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi	22	11	11	1	1	Tiếp nhận từ Chi cục An toàn thực phẩm và Dân số tỉnh Kon Tum: 11

Phụ lục 4A. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ DUY TRÌ NGUYÊN TRẠNG

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày /5/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức, số người làm việc được giao, phê duyệt năm 2025				Ghi chú
		Tổng	Công chức, viên chức		Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ	
			Hưởng lương	Hưởng lương NTSN		
	TỔNG CỘNG	7.076	1.891	4.713	472	
I	ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM CHI THUỜNG XUYÊN	3.139	0	2.906	233	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (tiếp tục xem xét, thống nhất tên gọi).	1.187	0	1.107	80	
2	Bệnh viện Đa khoa Kon Tum (tiếp tục xem xét, thống nhất tên gọi).	922		847	75	
3	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi	775	0	722	53	
4	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi	202	0	183	19	
5	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	53	0	47	6	
II	ĐƠN VỊ DO TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THUỜNG XUYÊN VÀ ĐƠN VỊ DO NSNN ĐẢM BẢO CTX	3.935	1.891	1.805	239	0
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm	260	26	211	23	
7	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	123	59	51	13	
8	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi	133	59	61	13	
9	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	69	22	40	7	
10	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi	33	21	9	3	
11	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi	46	42	0	4	
12	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ngãi	7	7	0	0	
13	Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ	37	34	0	3	
14	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức	209	66	126	17	
15	Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	189	57	116	16	
16	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành	149	30	105	14	
17	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi	145	22	109	14	
18	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh	225	54	151	20	
19	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	264	26	219	19	
20	Trung tâm Y tế huyện Minh Long	100	47	44	9	
21	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ	143	58	73	12	
22	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà	159	72	72	15	
23	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây	97	44	44	9	
24	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	172	87	66	19	
25	Trung tâm Y tế Quân Dân y kết hợp huyện Lý	119	60	50	9	
26	Bệnh viện Y dược cổ truyền Phục hồi chức năng Kon Tum	123	104	19		
27	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	217	152	65		
28	Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum	50	50	0		
29	Trung tâm Công tác xã hội Kon Tum.	47	47	0		
30	Trung tâm Y tế Kon Tum	45	45	0		
31	Trung tâm Y tế Ngọc Hồi	45	45	0		
32	Trung tâm Y tế Đăk Hà	107	74	33		

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức, số người làm việc được giao, phê duyệt năm 2025				Ghi chú
		Tổng	Công chức, viên chức		Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ	
			Hưởng lương	Hưởng lương NTSN		
33	Trung tâm Y tế Đăk Tô	112	74	38		
34	Trung tâm Y tế Đăk Glei	113	79	34		
35	Trung tâm Y tế Sa Thầy	102	70	32		
36	Trung tâm Y tế Kon Rẫy	94	66	28		
37	Trung tâm Y tế Kon Plông	87	84	3		
38	Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông	85	79	6		
39	Trung tâm Y tế Ia H'Drai	29	29	0		
III	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	2	0	2	0	
1	Ban Quản lý các dự án xử lý chất thải bệnh viện (Tự đảm bảo chi thường xuyên)	2	0	2	0	

Phụ lục 4B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ HỢP NHẤT
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày /5/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Cơ quan	Phương án giao biên chế, và số lượng viên chức									Ghi chú
		Tổng số			Hiện có của Quảng Ngãi (cũ)			Số chuyển từ Sở Y tế tỉnh Kon Tum			
		Tổng	Hưởng lương từ ngân sách	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ ngân sách	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ ngân sách	Hưởng lương từ nguồn thu	
	Tổng cộng	392	367	25	194	169	25	198	198	0	
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	291	268	23	139	116	23	152	152	0	
2	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi	45	45	0	25	25	0	20	20	0	
3	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Quảng Ngãi	27	25	2	15	13	2	12	12	0	
4	Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi	29	29	0	15	15	0	14	14	0	